TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13A/2023 /DS- PT
Ngày: 18/01/2023
V/v "Tranh chấp di sản thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương Giang.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Việt Hùng;

Ông Nguyễn Văn Ngữ.

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Ngọc Anh – Th ký Toà án nhân dân tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B: Bà Hà Thị H – Kiểm sát viên.

Ngày 28/11/2022, ngày 13/1/2023 và ngày 18/01/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2022/DSPT ngày 7/10/2022 về việc "Tranh chấp di sản thừa kế".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 27/2022/DS-ST ngày 25/7/2022của Toà án nhân dân huyện Vbị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 150/2022/QĐPT-DS ngày 27/10/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 214/2022/QĐ-PT ngày 18/11/2022, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 92/2022/QĐ-PT ngày 28/11/2022 và số 04/2023/QĐ-PT ngày 13/01/2023, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 262/2023/TB-TA ngày 26/12/2022 giữa:

**** Nguyên đơn:*** Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh B

**** Bị đơn:*** Ông Diêm Đăng H, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện V, tỉnh B

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

- Bà Phạm Thị S, sinh năm 1966 (vắng mặt).
- Anh Diêm Đăng D, sinh năm 1988 (vắng mặt).
- Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Đều địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện V, tỉnh B

- Chị Diêm Thị Ph, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu Đ, phường N, thành phố B1, tỉnh B1

- Chị Diêm Thị D, sinh năm 1994(vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh B

- Ông Diêm Đăng T, sinh năm 1970 (vắng mặt)

- Ông Diêm Đăng T1, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Đều địa chỉ: Khối A2, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đ

Đại diện theo ủy quyền của ông T, ông T1: Bà Phạm Thị Th, năm 1973 (bà Th có mặt).

- Ông Nguyễn Trung C sinh năm 1958 (vắng mặt).

Địa chỉ Tổ dân phố số 5, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đ

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Địa chỉ: M, thôn H, xã Đ, huyện H, B.

- Anh Nguyễn Thanh T sinh năm 1995 (vắng mặt).

HKTT: Thôn C, xã H, huyện L, tỉnh B.

Chỗ ở hiện nay; thôn D, xã D1, H, B

- Ông Phạm Đình Ph sinh năm 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ Thôn L, xã T, huyện V, tỉnh B

- Ông Phạm Văn V sinh năm 1962 (vắng mặt).

Địa chỉ Thôn L, xã T, huyện V, tỉnh B

- Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh B. Đại diện theo Quyết định ủy quyền số 1257/QĐ-UBND ngày 23/6/2022 là bà Thân Thị L - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi T huyện V(vắng mặt).

- Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh B do ông Thân Quang T - Chủ tịch là đại diện theo pháp luật (vắng mặt).

* Người kháng cáo: Nguyên đơn là bà Phạm Thị Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Phạm Thị Th trình bày:

Cụ Phạm Thị L là mẹ đẻ của bà Phạm Thị Th, ông Diêm Đăng H, ông Diêm Đăng T, ông Diêm Đăng T1, ông Nguyễn Trung C và bà Nguyễn Thị N. Cụ L được mẹ là cụ Nguyễn Thị Vượng cho một thửa đất tại thôn L, xã T, huyện V, tỉnh B. Từ nhỏ bà Th cùng ông H, ông T1, ông T sống cùng cụ L trên đất này. Năm 1986, ông H lấy vợ rồi chuyển ra ở thôn Bãi bên gia đình vợ, bà Th đi lấy chồng tại thôn K, xã T năm 1989. Năm 1991 cụ L theo hai con trai là ông T và ông T1 vào Đ sinh sống, giao lại đất và nhà cho vợ chồng ông H trông nom và sử dụng toàn bộ đất nông nghiệp để lấy tiền nộp thuế. Năm 1998, khi nhà nước có chủ trương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình trong xã thì ông H đã tự kê khai làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ gia đình ông Diêm Đăng H đối với thửa đất thửa đất số 76, tờ bản đồ số 31, diện tích 563m^2 ở thôn K, xã T, huyện V, tỉnh B. Bà xác định thửa đất này chính là thửa đất của cụ L. Năm 2012 cụ L từ miền N trở về, sinh sống cùng vợ chồng ông H một thời gian

nhưng bị vợ chồng ông H đối xử không tốt nên chuyển về ở với bà. Tháng 8/2013, cụ L có làm đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa của mình thì được biết là ông H đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất trên. Cụ L đã nhiều lần làm đơn khiếu nại đến UBND xã, UBND huyện và UBND tỉnh. Đến ngày 07/7/2016 thì cụ L ốm chết, không để lại di chúc. Năm 2017, Thanh tra UBND tỉnh B đã xác định thửa đất số 76, tờ bản đồ số 31, diện tích 563m^2 (đo thực tế còn 553,8m^2) của cụ Phạm Thị L. UBND huyện Vcó Quyết định số 476/QĐ-UBND ngày10/5/2017 về việc hủy tên trong Quyết định cấp GCNQSD đất số 647/1998/QĐ-UB ngày 14/12/1998 của UBND huyện V; đồng thời thu hồi và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho hộ gia đình ông Diêm Đăng H. Bà Th yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vchia thừa kế đối với di sản của cụ Phạm Thị L để lại là thửa đất số 76, tờ bản đồ số 31, diện tích 563m^2 đo thực tế còn 553,8 m^2 (trong đó đất ở 360 m^2 đất vườn 193,8 m^2) tại thôn L, xã T, huyện V, tỉnh B. Theo kết quả định giá ngày 05/02/2021 thì giá trị quyền sử dụng thửa đất là 548.280.000 đồng (trong đó đất ở 360 m^2 x 1.200.000 đồng/ m^2 = 432.000.000 đồng và đất vườn 193,8 m^2 x 600.000 đồng/ m^2 = 116.280.000 đồng).

Về tài sản trên đấ gồm có: 01 nhà 02 tầng đổ trần tầng một, tầng 02 lợp prôximăng diện tích 70 m^2 xây năm 2006 trị giá còn lại 117.040.000 đồng; 01 lán làm mộc, xây tường 10 lợp prôximăng diện tích 40 m^2 xây năm 2008 trị giá còn lại 14.560.000 đồng; nhà ngang mái ngói diên tích 31,5 m^2 xây năm 1999 trị giá còn lại 22.963.500 đồng; nhà tắm, nhà vệ sinh 10 m^2 đổ trần xây năm 1999 trị giá còn lại 1.050.000 đồng; Chuồng trại chăn nuôi loại C diên tích 60 m^2 xây 2008 trị giá còn lại 16.320.000 đồng; Sân lát gạch 100 m^2 xây dựng năm 2006 trị giá còn lại 4.800.000 đồng; 01 cổng sắt 9,52 m^2 trị giá còn lại 8.758.400 đồng; 01 mái tôn trị giá 335.000 đồng; tường hoa xây gạch 10 bổ trụ trị giá 380.000 đồng; 01 cây mít đường kính gốc 40cm trị giá 1.000.000 đồng; 02 cây soài trị giá 80.000 đồng.

Ngoài ra bà còn yêu cầu Tòa án giải quyết việc vợ chồng ông Diêm Đăng H, bà Phạm Thị S phá hoại tài sản và xây dựng công trình trái phép trên đất của cụ L. Toàn bộ tài sản trên đất do cụ L tạo dựng từ trước năm 1992 nhưng thực tế không còn gồm: 04 gian nhà cấp 4 trị giá 100.000.000 đồng, 03 gian công trình phụ trị giá 50.000.000 đồng, sân cổng và đất tôn tạo 20.000.000 đồng, cây cối lâm lộc 10.000.000 đồng, giếng nước 20.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản của cụ L khoảng 200.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bà giữ nguyên yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế là thửa đất và toàn bộ tài sản trên đất do cụ L đã tạo dựng từ trước năm 1992. Bà yêu cầu được chia di sản thừa kế bằng hiện vật, không nhận bằng tiền. Ngoài ra bà không đồng ý chia thừa kế cho ông Diêm Đăng H. Nếu ông H muốn được chia thừa kế thì pH có

trách nhiệm nuôi dưỡng cụ L cùng chị em bà. Ông T1, ông T có công nuôi dưỡng cụ L những năm trước đây và được T1 thành tiền là 916.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu số tiền nuôi dưỡng cụ L pH được chia đều cho 4 con là ông H, bà Th, ông T, ông T1. Yêu cầu ông H nếu muốn được hưởng di sản thừa kế thì pH thanh toán cho ông T, ông T1 phần tiền cấp dưỡng mà ông H pH chịu.

Bị đơn là ông Diêm Đăng H) trình bày:

Cụ Phạm Thị L là mẹ đẻ ông. Cụ L sinh được 06 người con là Diêm Đăng H, Diêm Đăng T, Diêm Đăng T1, Phạm Thị Th, Nguyễn Trung C và Nguyễn Thị N. Ông Nguyễn Trung C và bà Nguyễn Thị N là anh em cùng mẹ khác cha với ông. Cụ L mất ngày 07 tháng 07 năm 2016, không để lại di chúc. Khi còn sống, cụ L được mẹ đẻ là cụ Vượng cho thửa đất số 76, tờ bản đồ số 31, diện tích 563 m^2 đo thực tế còn 553,8 m^2 tại thôn L, xã T, huyện V, tỉnh B. Ông sinh sống cùng cụ L và các em trên thửa đất này từ nhỏ. Đến năm 1986, ông kết hôn với bà Phạm Thị S và chuyển ra ở riêng trên đất tại thôn Bãi. Năm 1993 cụ L theo hai con trai là T và T1 vào miền N sinh sống và giao cho vợ chồng ông quản lý sử dụng thửa đất này. Từ đó ông và bà S sống trên đất, có tôn tạo và trông nom, hàng năm có nghĩa vụ đóng thuế đối với nhà nước. Năm 1998, Nhà nước có chủ trương làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ L năm đó đang chấp hành án trong miền N không có nhà nên ông đã đứng lên kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Diêm Đăng H. Năm 2000 ông có xin phép cụ L phá dỡ mấy gian nhà và công trình phụ có từ lâu trên đất hiện đã bị hư hỏng và được cụ L đồng ý. Năm 2006 ông xây ngôi nhà hai tầng trên đất như hiện nay được sự đồng ý của cụ L. Năm 2012 cụ L từ miền N ra sinh sống cùng vợ chồng ông trên đất này và mẹ con có xảy ra mâu thuẫn về việc chia đất cát nên cụ L đã làm đơn khiếu nại các cơ quan chức năng về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang hộ ông Diêm Đăng H. Ông và các anh em đã thảo luận nhiều lần nhưng không thành. Cụ L chết ngày 07 tháng 7 năm 2016 và ông đứng ra lo ma chay cho cụ L. Đến nay ông vẫn thờ cúng cụ L. Năm 2017 UBND xã T có mời ông lên làm việc và thông báo về việc UBND huyện Vra Quyết định hủy tên và thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông đối với thửa đất số 76, tờ bản đồ số 31 nhưng ông không ký biên bản vì không chấp nhận nhưng cũng không có đơn khiếu nại gì đối với Quyết định của UBND huyện V, không giao nộp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho cơ quan chức năng. Nay bà Th khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ L gồm thửa đất số 76, tờ bản đồ số 31, diện tích 553,8m^2; nhà cấp 4, 03 gian công trình phụ, sân cổng và đất tôn tạo, cây cối lâm lộc, giếng nước ông không đồng ý vì đất cụ L đã cho ông còn tài sản cụ L đồng ý cho ông tháo dỡ nay không còn. Nếu pH chia thừa kế thì ông có nguyện vọng được sử dụng đất và công trình trên đất do ông đã xây dựng và ông chia cho những người được hưởng thừa kế bằng

tiền. Bà Th yêu cầu xử lý hành vi phá hoại tài sản của cụ L và buộc ông pH bồi Thờng số tiền 200.000.000 đồng ông không đồng ý. Ông tháo dỡ nhà và công trình phụ của cụ L là được sự đồng ý của cụ L. Bà Th yêu cầu ông pH thanh toán tiền cấp dưỡng nuôi mẹ cho ông T và ông T1 ông không đồng ý. Tại phiên tòa ông xác định có công tu tạo bảo quản làm tăng giá trị của đất và đứng ra lo, chi phí mai táng cụ L mẹ ông nhưng ông không yêu cầu xem xét.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Phạm Thị S, anh Diêm Đăng D, chị Đỗ Thị H, chị Diêm Thị D, chị Diêm Thị Ph trình bày: Bà S, anh D, chị H, chị Ph, chị D nhất trí với ý kiến của ông H trong việc giải quyết vụ án Tranh chấp chia di sản thừa kế với bà Phạm Thị Th. Bà Phạm Thị S xác định bà là người trực tiếp phá dỡ các công trình và nhà trên đất của cụ L, được sự cho phép của cụ vì lúc đó các công trình này đã hư hỏng nặng, bà sợ bị đổ sập, khi đó ông H đang đi làm thợ ở Đồng Kỵ. Bà cùng ông H đã tạo dựng các công trình trên đất như hiện nay và có công tôn tạo, quản lý di sản thừa kế do cụ L để lại, bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Diêm Đăng T1 và người được ủy quyền là bà Phạm Thị Th trình bày: Thửa đất mà bà Th yêu cầu chia thừa kế có nguồn gốc của bà ngoại ông chia cho mẹ ông là cụ Phạm Thị L. Năm 1993 cụ L cùng ông và ông T vào miền N làm ăn và đã giao thửa đất trên cho vợ chồng ông H quản lý. Tuy nhiên ông H đã tự ý làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2012 cụ L về quê sinh sống thì xảy ra tranh chấp nhưng giải quyết nội bộ gia đình không được nên cụ L đã làm đơn gửi chính quyền các cấp. Sau đó cụ L qua đời ngày 07 tháng 7 năm 2016, không để lại di chúc. Khi mất cụ để lại tài sản gồm thửa đất số 76, tờ bản đồ số 31, diện tích 563m^2 tại thôn L, xã T, huyện V, tỉnh B nay ông yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ L để lại theo quy định của pháp luật và yêu cầu được chia bằng đất.

Ông Diêm Đăng T và người được ủy quyền là bà Phạm Thị Th trình bày: Thửa đất mà bà Th yêu cầu chia thừa kế có nguồn gốc của bà ngoại chia cho mẹ ông là cụ Phạm Thị L. Năm 1993 mẹ ông cùng ông và ông T1 vào miền N làm ăn và đã giao thửa đất trên cho vợ chồng ông H quản lý. Tuy nhiên ông H đã tự ý làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2012 cụ L về quê sinh sống thì xảy ra tranh chấp nhưng giải quyết nội bộ gia đình không được nên cụ L đã làm đơn gửi chính quyền các cấp. Sau đó cụ L qua đời ngày 07 tháng 7 năm 2016 không để lại di chúc. Ông yêu cầu chia thừa kế tài sản do mẹ ông. Cụ Phạm Thị L để lại là thửa đất số 76, tờ bản đồ số 31, diện tích 563m^2 tại thôn L, xã T, huyện V, tỉnh B theo quy định của pháp luật và yêu cầu được chia bằng đất.

Ông Nguyễn Trung trình bầy: Cụ L mẹ ông sinh được 6 người con gồm; Ông, Diêm Đăng H, Diêm Đăng T, Diêm Đăng T1, Phạm Thị Th và Nguyễn Thị N. Ông và Nguyễn Thị N là con cùng mẹ khác cha với Diêm Đăng H, Diêm Đăng T, Diêm

Đăng T1, Phạm Thị Th. Cụ L mẹ ông mất ngày 07 tháng 7 năm 2016. Nay bà Th yêu cầu chia tài sản thừa kế của cụ L để lại ông không có ý kiến gì và ông cũng không yêu cầu gì về tài sản của cụ L để lại.

Bà Nguyễn Thị N trình bầy: Cụ L mẹ bà sinh được 6 người con gồm; Ông Diêm Đăng H, Diêm Đăng T, Diêm Đăng T1, Phạm Thị Th và bà. Bà và ông C là con cùng mẹ khác cha với Diêm Đăng H, Diêm Đăng T, Diêm Đăng T1, Phạm Thị Th. Cụ L mất ngày 07 tháng 7 năm 2016, không để lại di chúc. Nay bà Th yêu cầu chia tài sản thừa kế của cụ L để lại bà không có ý kiến gì và cũng không yêu cầu gì về tài sản của cụ L để lại.

Ông Phạm Văn V trình bầy: Ông là con của Cụ Vượng, cụ Vượng và cụ Tăng sinh được Tôi, bà L, ông Ph, bà Mai. Bà Mai mất năm 1999 có con là T, Cụ Vượng là mẹ bà L mất ngày 21 tháng 02 năm 2017. Khi còn sống cụ Vượng đã cho bà L thửa đất số 76, tờ bản đồ số 31, diện tích 563m^2 tại thôn L, xã T, huyện V, tỉnh B. Nay bà Th yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ L để lại ông đề nghị nếu ông được hưởng phần di sản mà Cụ Vượng được hưởng thừa kế của cụ L thì ông để cho ông H sử dụng.

Ông Phạm Đình Ph trình bầy: Ông là con của cụ Vượng và cụ Tăng, Hai cụ sinh được Tôi, bà L, ông V, bà Mai. Bà Mai mất năm 2019 có con là T, cụ Tăng mất từ lâu cụ Vượng là mẹ bà L mất ngày 21 tháng 02 năm 2017. Khi còn sống cụ Vượng đã cho cụ L thửa đất số 76, tờ bản đồ số 31, diện tích 563m^2 tại thôn L, xã T, huyện V, tỉnh B. Nay bà Th yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ L để lại ông đề nghị nếu ông được hưởng phần di sản mà cụ Vượng được hưởng thừa kế của bà L ông không yêu cầu gì vì đó là của các anh, em nhà bà L, ông không đề nghị gì.

Anh Nguyễn Thanh T trình bầy: Anh là con của bà Mai, mẹ anh sinh được mình anh còn bố anh hiện ở đâu anh không rõ, Cụ Vượng là bà ngoại của anh. Cụ Vượng mất ngày 21 tháng 02 năm 2017 khi cụ Vượng mất không để lại di chúc gì, mẹ anh mất ngày 28 tháng 01 năm 2019 không để lai di chúc. Nay bà Th yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ L để lại anh đề nghị nếu mẹ anh được hưởng phần di sản do Cụ Vượng được hưởng của cụ L anh không yêu cầu vì đó là của các anh, chị em gia đình bà Th anh không yêu cầu gì.

Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh B trình bày: Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 76, tờ bản đồ số 31, diện tích 563m^2 tại thôn L, xã T, huyện V, tỉnh B là không đúng đối tượng nên UBND huyện Vđã ra Quyết định số 476/QĐ-UBND ngày10/5/2017 về việc hủy tên trong Quyết định cấp GCNQSD đất số 647/1998/QĐ-UB ngày 14/12/1998 của UBND huyện V; đồng thời thu hồi và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho hộ gia đình ông Diêm Đăng H, giao cho UBND

xã T thông báo, thu hồi GCN QSD đất. UBND huyện Vđề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh B trình bày: Thửa đất số 76, tờ bản đồ số 31, diện tích 563m^2 tại thôn L, xã T, huyện V, tỉnh B đã bị UBND huyện Vthu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ gia đình ông Diêm Đăng H hiện vẫn do hộ gia đình ông Diêm Đăng H sử dụng ổn định. Thửa đất trên vẫn thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình, Nhà nước chỉ thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cấp không đúng đối tượng chứ không thu hồi đất. Thực hiện sự chỉ đạo của UBND huyện V, ngày 02/6/2017 UBND xã đã tiến hành giao thông báo cho ông H nhưng ông H không chấp hành việc giao nộp GCNQSD đất cho cơ quan chức năng. Có sự chênh lệch đối với diện tích trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hiện trạng sử dụng là do sai số khi đo đạc. UBND xã từ chối tham gia tố tụng do nội dung vụ án không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của UBND xã.

Với nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 27/2022/DS-ST ngày 25/7/2022

của Toà án nhân dân huyện Vđã Áp dụng các Điều 649, Điều 650, Điều 651 và Điều 660 Bộ luật dân sự 2015, Điều 167 và Điều 179 Luật đất đai; khoản 2 Điều 244, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 BLTTDS, Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Th về việc chia di sản thừa kế của cụ Phạm Thị L.

Xác nhận 553,8m^2 đất (trong đó có 360m^2 đất ở và 193,8m^2 đất vườn) tại thôn L, xã T, huyện V, tỉnh B là di sản thừa kế của cụ Phạm Thị L.

Tạm giao bà Phạm Thị Th quyền sử dụng 146,0m^2 đất (trong đó có 94 m^2 đất ở và 52 m^2 đất vườn) phía Tây giáp đường liên thôn dài 5,25m, phía đông giáp ông Phạm Văn Vinh dài 5,4m, phía Bắc giáp ông Phạm Văn Đồng, phía N giáp ông Diêm Đăng H dài 28,21m, thuộc thôn L, xã T, huyện V, tỉnh B theo sơ đồ là thửa đất hình đa giác gồm các đỉnh 1,2,3,5,6,18 (có sơ đồ kèm theo) và sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với diện tích 146,0m^2 gồm nhà xưởng lợp proximang + nhà ngang mái ngói + nhà tắm nhà vệ sinh nhưng pH có nghĩa vụ thanh toán trả ông H tiền chênh lệch tài sản là 72.917.500 đồng

Tạm giao cho ông Diêm Đăng H quyền sử dụng 407,8m^2 đất (trong đó có 266m^2 đất ở và 147,8m^2 đất vườn) theo sơ đồ là thửa đất hình đa giác gồm các đỉnh 6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18 (có sơ đồ kèm theo) tại thôn L, xã T, huyện V, tỉnh B và được nhận 72.917.500 đồng do bà Th có nghĩa vụ thanh toán trả nhưng ông H pH có nghĩa vụ trả bà Phạm Thị Th quyền sử dung 146,0m^2 đất (trong đó có

94 m^2 đất ở và 52 m^2 đất vườn) và tài sản trên đất gồm nhà xưởng lợp proximang + nhà ngang mái ngói + nhà tắm, nhà vệ sinh đổ trần và thanh toán trả ông Diêm Đăng T số tiền là 109.656.000 đồng, ông Diêm Đăng T1 số tiền là 109.656.000 đồng.

Ông Diêm Đăng H, bà Phạm Thị Th pH có nghĩa vụ hoàn tất các thủ tục theo quy định của pháp luật về quản lý đất đai.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Th đòi xác định nhà 4 gian nhà cấp 4, 3 gian công trình phụ, giếng nước, sân thềm, điện sinh hoạt của cụ L hiện không còn là di sản thừa kế của cụ L.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo, quyền thi hành án đối với các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 05/8/2022, bà Th kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B chia thừa kế đất của cụ L bằng đất cho ông T, ông T1; ông H pH, chịu trách nhiệm về việc phá hủy di sản của bà L có tổng trị giá 200.000.000 đồng để xây nhà trái phép; ông H pH thanh toán một phần trong tổng số tiền nuôi dưỡng, chăm sóc cụ L.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bà Th trình bày: Phần của bà được chia theo bản án sơ thẩm, bà không có ý kiến gì. Bà không đồng ý với việc chia di sản của cụ L cho ông T và ông T1 bằng tiền; đề nghị Tòa án buộc ông H pH thanh toán chi phí nuôi mẹ là 1/6 của số tiền 916.000.000 đồng cho ông T, ông T1 mới được nhận di sản; yêu cầu ông H pH đền bù giá trị tài sản mà ông H đã phá của bà L trị giá 200.000.000 đồng. Ông T, ông T1 không kháng cáo bản án nhưng quan điểm của bà cũng là quan điểm của ông T, ông T1 vì họ đã ủy quyền cho bà.

Ông H trình bày: Ông không đồng ý với tất cả kháng cáo của bà Th. Việc ông phá nhà cũ, làm nhà mới thì cụ L biết và không có ý kiến phản đối gì. Về số tiền nuôi dưỡng cụ L bà Th trình bày là không đúng. Cụ L chưa pH nhờ con nào nuôi dưỡng. Còn ông T và ông T1 không có ý kiến gì về việc chia tiền hay chia đất, toàn bộ sự việc này là ý kiến cá nhân của bà Th. Ông đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Th, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện VKSND tỉnh B phát biểu:

- Về tố tụng: Toà án nhân dân tỉnh B và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, xử: Không chấp nhận kháng cáo của bà Th, sửa bản bản án sơ thẩm theo hướng:

Tạm giao cho ông Diêm Đăng H quyền sử dụng 407,8m^2 đất (trong đó có 266m^2 đất ở và 147,8m^2 đất vườn) theo sơ đồ là thửa đất hình đa giác gồm các đỉnh 6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18 (sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm) tại thôn L, xã T, huyện V, tỉnh B và được nhận 72.917.500 đồng do bà Th có nghĩa vụ thanh toán trả nhưng ông H pH có nghĩa vụ trả bà Phạm Thị Th quyền sử dụng 146,0m^2 đất (trong đó có 94 m^2 đất ở và 52 m^2 đất vườn) và tài sản trên đất gồm nhà xưởng lợp proximang + nhà ngang mái ngói + nhà tắm, nhà vệ sinh đổ trần và thanh toán trả ông Diêm Đăng T số tiền là 109.656.000 đồng, ông Diêm Đăng T1 số tiền là 109.656.000 đồng.

Giao cho ông H quản lý phần di sản của ông Phú được hưởng là 54.828.000đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên bà Th không pH chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Một số người có quyền lợi, nghĩa vu liên quan đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa mở lần thứ hai. Tòa án xét xử vắng mặt họ là đảm bảo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo bà Th kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B chia thừa kế đất của cụ L bằng đất cho ông T, ông T1; ông H pH, chịu trách nhiệm về việc phá hủy di sản của bà L có tổng trị giá 200.000.000 đồng để xây nhà trái phép; ông H pH thanh toán một phần trong tổng số tiền nuôi dưỡng, chăm sóc cụ L. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về thời điểm mở thừa kế: Cụ Phạm Thị L chết ngày 07/7/2016, không để lại di chúc. Vậy thời điểm mở thừa kế của cụ L là ngày 07/7/2016.

[2.2] Về di sản thừa kế của cụ L:

Bà Th khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Phạm Thị L để lại là thửa đất số 76, tờ bản đồ số 31, diện tích 563m^2 tại thôn L, xã T, huyện V, tỉnh B. Theo kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất thì hiện nay thửa đất là thửa số 6, tờ bản đồ số 82, diện tích là 553,8m^2, đất sử dụng ổn định lâu dài, không có tranh chấp, trong đó có 360m^2 đất ở và 193,8 m^2 đất vườn..

Căn cứ vào lời khai thừa nhận của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Thửa đất số 6, tờ bản đồ số 82 tại thôn L, xã T, huyện V, tỉnh B có nguồn gốc là của cụ Nguyễn Thị Vượng cho con gái là cụ Phạm Thị L sử dụng từ năm 1962. Tại bản đồ dải thửa xã T năm 1989 thửa đất mang số 40, tờ bản đồ số 31, diện tích 555m^2 mang tên cụ Phạm Thị L. Năm 1993

cụ L cùng hai con trai là Diêm Đăng T và Diêm Đăng T1 đi miền N và giao cho ông Diêm Đăng H cùng vợ là Phạm Thị S ở nhà trông nom đất. Sổ thuế sử dụng đất nông nghiệp và thuế đất ở nông thôn lập ngày 06/5/1994 thì hộ thứ 86 vẫn ghi tên chủ hộ là cụ Phạm Thị L, trong đó đất ở là 312m^2 và đất trồng cây lâu năm là 216m^2. Năm 1998, do cụ L và hai con trai trong miền N không có mặt ở địa Ph nên ông H đã làm thủ tục kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chủ hộ là ông Diêm Đăng H và được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất công nhận quyền sử dụng đối với 563m^2 (trong đó có 360m^2 đất ở và 203m^2 đất vườn). Năm 2012 cụ L có đơn khiếu nại gửi UBND huyện V, UBND tỉnh B. Tại Kết luận số 484/KL-UBND ngày 24/02/2017 của UBND tỉnh B kết luận "UBND huyện Vcấp Giấy CNQSD thửa đất số 76, tờ bản đồ số 31, diện tích 563m^2 tại thôn L, xã T, huyện V, tỉnh B cho hộ ông Diêm Đăng H cấp sai đối tượng". Ngày 10/5/2017 UBND huyện Vra Quyết định số 476/QĐ-UBND về việc hủy tên trong Quyết định cấp GCNQSD đất số 647/1998/QĐ-UB ngày 14/12/1998 của UBND huyện V; đồng thời thu hồi và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho hộ gia đình ông Diêm Đăng H, không bị khiếu nại, khiếu kiện và Quyết định có hiệu lực pháp luật. Theo quy định tại Điều 18, Nghị định 43/2014; điểm g Khoản 1 Điều 100 của Luật Đất đai thì thửa đất trên là tài sản của cụ Phạm Thị L và hiện chưa được công nhận quyền sử dụng đất cho bất cứ cá nhân nào ngoài cụ L. Trước khi cụ L chết, cụ L không để lại di chúc cho ai.

Tòa án sơ thẩm xác định di sản thừa kế của cụ L để lại là thửa đất số 6, tờ bản đồ số 82, diện tích 553,8 m^2 do ông H đang quản lý là có căn cứ.

Theo kết quả định giá tài sản, 360m^2 đất ở x 1.200.000 đồng = 432.000.000 đồng; 193,8m^2 đất vườn x 600.000 đồng = 116.280.000 đồng. Tổng giá trị di sản là 548.280.000 đồng.

Toàn bộ tài sản trên đất là của vợ chồng ông H, bà S tạo dựng lên

[2.3] Về diện thừa kế và hàng thừa kế:

Căn cứ quy định tại Điều 651 của Bộ luật Dân sự:

Cụ Phạm Thị L (sinh năm 1932, chết năm 2016) có mẹ đẻ là cụ Phạm Thị Vượng (sinh năm 1919, chết năm 2017) quan hệ T cảm với cụ Diêm Đăng Tư ở Trung Sơn nhưng không chung sống với nhau và không có đăng ký kết hôn. Cụ L sinh được 06 người con là Nguyễn Trung C - sinh năm 1958, Nguyễn Thị N – sinh năm 1963, Diêm Đăng H – sinh năm 1968, Diêm Đăng T – sinh năm 1970, Phạm Thị Th – sinh năm 1973, Diêm Đăng T1 – sinh năm 1975. Cụ L chết không để lại di chúc nên di sản của cụ L được chia thừa kế theo pháp luật. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ L để chia di sản trong vụ án này bao gồm ông H, ông T1, ông T, bà Th, ông C, bà N, cụ Vượng (mẹ đẻ cụ L).

Cụ Vượng chết ngày 21 tháng 02 năm 2017, có 8 người con là: Bà Phạm Thị L (chết trước cụ Vượng), ông Phạm Văn Cảnh (chết từ nhỏ), ông Phạm Văn Liên (đã hy sinh, không vợ con), ông Phạm Văn Tuyên (chết từ nhỏ), bà Phạm Thị Mai (tức Phạm Hiền Mai sinh năm 1960, chết năm 2019), ông Phạm Đình Ph – sinh năm 1960, ông Phạm Đình Viễn (chết trẻ) ông Phạm Đình V – sinh năm 1962. Như vậy, hàng thừa kế thứ nhất của cụ Vượng gồm 3 người: bà Phạm Thị Mai (tên khác là Phạm Hiền Mai), ông Phạm Đình Ph, ông Phạm Đình V.

Bà Mai chết ngày 28 tháng 01năm 2019. Bà Mai có chồng đã đăng ký kết hôn là ông Nguyễn Như Phú – sinh năm 1962, hộ khẩu Thờng trú tại phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, nơi cư trú cuối cùng tại thôn C, xã Xuân Hương, huyện L, tỉnh B và một người con là anh Nguyễn Văn T – sinh năn 1995. Hiện ông Phú ở đâu, đã chết chưa thì không có căn cứ xác định. Do vậy, hàng thừa kế của bà Mai được xác định là ông Phú và anh T.

[2.4] Về phân chia di sản thừa kế của cụ L:

Theo quy định tại Điều 649, Điều 650, Điều 651, do cụ L chết không để lại di chúc nên di sản của cụ L được chia đều cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ L gồm: ông H, ông T1, ông T, bà Th, ông C, bà N, cụ Vượng (mẹ đẻ cụ L). Do ông C và bà N từ chối nhận di sản thừa kế của cụ L nên di sản thừa kế của cụ L được chia thành 5 phần đều nhau cho ông H, ông T1, ông T, bà Th, cụ Vượng. Mỗi kỷ phần di sản của cụ L là: 548.280.000 đồng : 5 = 109.656.000 đồng.

Như vậy, di sản của cụ Vượng để lại tại thửa đất số 76, tờ bản đồ số 31 nói trên là 109.656.000 đồng.

* Về phân chia di sản của cụ Vượng:

Theo quy định tại Điều 649, Điều 650, Điều 651 của Bộ luật Dân sự, do cụ Vượng chết ngày 21 tháng 02 năm 2017 không để lại di chúc nên di sản của cụ Vượng được chia đều cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Vượng: bà Mai, ông Ph, ông V. Do ông Ph từ chối không nhận di sản của cụ Vượng nên di sản của cụ Vượng được chia thành 2 phần đều nhau cho bà Mai và ông V. Mỗi kỷ phần của cụ Vượng giá trị là:

109.656.000 đồng : 2 = 54. 828. 000 đồng.

Di sản của bà Mai để lại tại thửa đất số 76, tờ bản đồ số 31 nói trên trị giá 54. 828. 000 đồng.

* Phân chia di sản của bà Mai:

Theo quy định tại Điều 649, Điều 650, Điều 651 của Bộ luật Dân sự, di sản của bà Mai được chia đều cho ông Phú và anh T, mỗi kỷ phần trị giá là: 54. 828. 000 đồng : 2 = 27.414.000 đồng. Do anh T từ chối nhận di sản của bà Mai nên ông Phú được hưởng toàn bộ di sản của bà Mai là Vượng có giá trị là 54. 828. 000 đồng.

Tòa án sơ thẩm nhận định hàng thừa kế thứ nhất của bà Mai chỉ có anh T, khi anh T và ông Ph từ chối nhận di sản thì ông V được hưởng toàn bộ kỷ phần của cụ Vượng là không đúng. Ông H chỉ được nhận kỷ phần ông V được hưởng từ cụ Vượng là 54.828.000 đồng, 54.828.000 đồng còn lại thuộc quyền thụ hưởng của ông Phú.

Vụ án đã kéo dài từ năm 2020, đã từng bị hủy một lần để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm. Do vậy, để giải quyết dứt điểm vụ án, tránh kéo dài, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, cần tạm giao kỷ phần ông Phú được hưởng cho ông H quản lý. Việc giao ông H quản lý, sử dụng kỷ phần của ông Phú không làm ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của bà Th, ông T, ông T1 và quyền lợi của ông Phú.

Kỷ phần thừa kế của bà Th, ông T, ông T1 được hưởng là: 109.656.000 đồng như bản án sơ thẩm xác định là chính xác. Phần di sản ông H được hưởng là 109.656.000 đồng + 54.828.000 đồng = 164.484.000 đồng. Ngoài ra, cần tạm giao ông H được quản lý kỷ phần của ông Phú trị giá 54.828.000 đồng. Ông Phú nếu có yêu cầu có quyền khởi kiện đòi ông H bằng vụ án khác.

[2.5] Về kháng cáo của bà Th buộc chia di sản của cụ L cho ông T, ông T1 bằng đất:

Ông T, ông T1 có ủy quyền cho bà L tham gia tố tụng tuy nhiên không có văn bản ủy quyền cụ thể về việc kháng cáo. Theo quy định tại khoản 6 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc ủy quyền kháng cáo pH được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực. Trong văn bản ủy quyền pH có nội dung D sự ủy quyền cho người đại diện kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm. Ông T, ông T1 không có văn bản ủy quyền cho bà Th về việc kháng cáo nên xác định ông T, ông T1 không kháng cáo. Kháng cáo Tòa án đang xem xét là kháng cáo của cá nhân bà Th.

Năm 2006, ông H đã xây dựng công trình nhà 02 tầng kiên cố trên thửa đất tranh chấp, có lưng nhà tiếp giáp đường có chiều rộng mặt đường là 9,82m Phần cổng có chiều rộng là 4,68m, phần lán có chiều rộng là 5,65m. Vì vậy việc chia di sản bằng hiện vật cho tất cả các thừa kế là có khó khăn cho công tác thi hành án và không đảm bảo về lối đi cho các thửa đất nên Tòa án sơ thẩm đã chia cho bà Th được nhận phần đất có diện tích 146m^2 (có phần giáp mặt đường là 5,25m) và ông H được sở hữu toàn bộ số diện tích đất còn lại, buộc ông H pH trích chia bằng tiền trị giá kỷ phần thừa kế cho ông T, ông T1 là có căn cứ. Mặt khác, ông T, ông T1 đã lập gia đình và sinh sống trong miền N, không có kháng cáo gì đối với bản án về việc phân chia di sản bằng tiền. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo này của bà Th.

[2.6] Về kháng cáo của bà Th buộc ông H pH thanh toán một phần trong tổng số tiền nuôi dưỡng, chăm sóc cụ L:

Bà Th khai pH chi phí chăm sóc cụ L với số tiền 916.000.000 đồng; yêu cầu ông H pH thanh toán cho ông T, ông T1 1/6 số tiền trên mới được nhận di sản của cụ L. Tuy nhiên, ngoài lời khai, bà Th không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của bà Th là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, bà Th không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo này của bà Th.

[2.7] Về kháng cáo của bà Th buộc ông H pH, chịu trách nhiệm về việc phá hủy di sản của bà L có tổng trị giá 200.000.000 đồng.

Bà Th yêu cầu Tòa án xác định tài sản ông H đã tháo dỡ gồm 4 gian nhà cấp 4, 3 gian công trình phụ, giếng nước, sân thềm, điện sinh hoạt và cây cối lâm lộc trên đất là di sản của cụ L để lại, giá trị khoảng 200.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi cụ L đi vào miền N ở với ông T1 và ông T đã giao toàn bộ tài sản cho ông H trông coi và quản lý. Năm 2000 khi cụ L ở miền N ra chơi, ông H đã tháo dỡ các công trình đã bị hỏng nhưng cụ không có ý kiến phản đối gì. Năm 2013 cụ L ra Bắc sinh sống nhưng cụ L cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với ông H. Tòa án cấp sơ thẩm không xác định các tài sản trên là di sản của cụ L là có căn cứ. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo này của bà Th.

Từ những đánh giá trên, xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị Th nhưng cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng tạm giao cho ông H quản lý kỷ phần của ông Phú trị giá 54.828.000 đồng.

[3] Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét, giải quyết các quyết định khác của bản án sơ thẩm mà không có kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên bà Phạm Thị Th không pH chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận một phần kháng cáo của bà Phạm Thị Th, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 27/2022/DS-ST ngày 25/7/2022 của Toà án nhân dân huyện V, tỉnh B.

Căn cứ các Điều 649, Điều 650, Điều 651 và Điều 660 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 100, Điều 167 và Điều 179 Luật đất đai; khoản 2 Điều 244, Điều 144, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 12 và Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Th về việc chia di sản thừa kế của cụ Phạm Thị L.

2. Xác nhận 553,8m^2 đất (trong đó có 360m^2 đất ở và 193,8 m^2 đất vườn) tại thửa đất số 6, tờ bản đồ số 82 ở thôn L, xã T, huyện V, tỉnh B là di sản thừa kế của cụ Phạm Thị L.

3. Tạm giao bà Phạm Thị Th quyền sử dụng 146,0m^2 đất (trong đó có 94 m^2 đất ở và 52 m^2 đất vườn) phía Tây giáp đường liên thôn dài 5,25m, phía đông giáp ông Phạm Văn Vinh dài 5,4m, phía Bắc giáp ông Phạm Văn Đồng, phía N giáp ông Diêm Đăng H dài 28,21m, thuộc thửa đất số 6, tờ bản đồ số 82 ở thôn L, xã T, huyện V, tỉnh B (hình đa giác gồm các đỉnh 1,2,3,5,6,18 theo sơ đồ kèm theo bản án) và sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với diện tích 146,0m^2 gồm nhà xưởng lợp proximang + nhà ngang mái ngói + nhà tắm nhà vệ sinh. Buộc bà Phạm Thị Th có nghĩa vụ trả ông Diêm Đăng H số tiền 72.917.500 đồng giá trị tài sản trên đất.

4. Tạm giao cho ông Diêm Đăng H quyền sử dụng 407,8m^2 đất (trong đó có 266m^2 đất ở và 147,8m^2 đất vườn) thuộc thửa đất số 6, tờ bản đồ số 82 ở thôn L, xã T, huyện V, tỉnh B (hình đa giác gồm các đỉnh 6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18 theo sơ đồ kèm theo bản án) và sử hữu toàn bộ tài sản trên diện tích đất trên.

5. Tạm giao ông Diêm Đăng H được quản lý kỷ phần thừa kế trị giá 54.828.000 đồng của ông Nguyễn Như Phú – sinh năm 1960, HKTT: phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, địa chỉ cuối cùng: thôn Chí Mùi, xã H, huyện V, tỉnh B. Ông Nguyễn Như Phú có quyền khởi kiện đòi ông Diêm Đăng H bằng vụ án khác nếu có yêu cầu.

6. Buộc ông Diêm Đăng H thanh toán cho ông Diêm Đăng T số tiền là 109.656.000 đồng, thanh toán cho ông Diêm Đăng T1 số tiền là 109.656.000 đồng.

7. Ông Diêm Đăng H, bà Phạm Thị Th pH có nghĩa vụ hoàn tất các thủ tục theo quy định của pháp luật về quản lý đất đai để đăng ký quyền sử dụng đất.

8. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Th pH chịu 5.482.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 750.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2012/04752 ngày 08/11/2017. Bà Th còn pH nộp 4.732.800 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Diêm Đăng H pH chịu 5.482.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Diêm Đăng T1 pH chịu 5.482.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Diêm Đăng T pH chịu 5.482.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Miễn án phí dân sự sơ thâm cho ông Phạm Văn V.

9. Về chi phí tố tụng:

Xác nhận bà Th đã nộp đủ chi phi tố tụng. ông Diêm Đăng T1, ông Diêm Đăng T mỗi người pH có nghĩa vụ thanh toán trả bà Th số tiền chi phí tố tụng là 576.000 đồng. Ông Diêm Đăng H, pH thanh toán trả bà Th 1.152.000 đồng

10. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị Th không pH chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả bà Th số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu số 0006682 ngày 05/8/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các T hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền pH trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

T hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người pH thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, điều 7, điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh B;
-Toà án nhân dân huyện V;
-Chi cục THADS huyện V;
-Các đương sự;
-Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Hương Giang

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh B;
-Toà án nhân dân huyện V;
-Chi cục THADS huyện V;
-Các đương sự;
-Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Hương Giang

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương Giang